TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 31/7/2018
V/v tranh chấp dân sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2017/TLST-DS ngày 21/12/2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay, tài sản"* theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ: tổ 6, khóm VĐ1, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 và ông Trần Thiện Đ, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Tổ 8, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: tổ 12, khóm VĐ1, phường NS, thành phố CĐ.

Nguyên đơn bà Bùi Thị L có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Trần Thiện Đ vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Bùi Thị L trình bày: Bà và vợ chồng ông Trần Thiện Đ, bà Nguyễn Thị L là chỗ quen biết, do cần vốn làm ăn vợ chồng L, Đ có vay của bà 02 lần tiền, cụ thể:

- Ngày 18/8/2013 bà L, ông Đ vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

- Ngày 05/9/2013 bà L, ông Đ vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng

Cả hai khoản vay đều có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, việc giao nhận tiền có lập biên nhận. Bà L, ông Đ đóng lãi được 03 tháng thì xin bà cho đóng lãi chung cả hai khoản vay là 4.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng L, Đ đóng lãi từ tháng 4/2016 đến tháng 8/2016 thì ngưng nên bà có đến gặp vợ chồng L, Đ yêu cầu trả vốn nhưng vợ chồng L, Đ không thực hiện.

Nay, bà Bùi Thị L yêu cầu vợ chồng ông Trần Thiện Đ, bà Nguyễn Thị L trả cho bà vốn 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy Đ từ tháng 5/2016 đến khi xét xử.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị L thừa nhận vợ chồng có vay tiền của bà Bùi Thị L 02 lần với số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, lãi suất cả 02 lần đều là 5%/1 tháng, việc giao nhận tiền có lập biên nhận, bà và ông Đ đều có ký tên. Bà Nguyễn Thị L thừa nhận chữ ký trong 02 biên nhận đúng là của bà và ông Đ. Sau khi vay khoản nợ thứ hai được 02 tháng thì bà vợ chồng đến gặp bà Bùi Thị L thỏa thuận trả lãi cho cả 02 khoản là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/ 1 tháng. Vợ chồng trả lãi được 04 tháng (từ 4/2016 đến 8/2016) là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng thì không trả lãi nữa. Bà Nguyễn Thị L thừa nhận vợ chồng còn nợ bà Bùi Thị L số vốn 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, yêu cầu bà Bùi Thị L không tính lãi, yêu cầu được trả dần vốn gốc.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đ và bà Nguyễn Thị L nhiều lần nhưng ông Đ và bà Nguyễn Thị L không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt ông Đ và bà Nguyễn Thị L và thông báo thu thập tài liệu chứng cứ cho ông Đ và bà Nguyễn Thị L biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Qua kết quả xác minh, Công an nhân dân phường NS cho biết: ông Trịnh Thiện Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ hiện còn sinh sống địa phương, còn công việc kinh doanh mua bán tại địa chỉ tổ 12, khóm VĐ1, phường NS.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Trần Thiện Đ trả vốn 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử công bố các lời khai của bà Nguyễn Thị L và biên bản

xác minh ngày 25/6/2018.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong qúa trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy Đ tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy Đ của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy Đ.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết với vốn vay 400.000.000 đồng, có biên nhận nợ, lãi suất 5%/tháng, sau đó có thỏa thuận lại tiền lãi là 4.000.000 đồng/tháng cho 02 khoản vay, bị đơn trả lãi được 04 tháng với số tiền 16.000.000 đồng thì ngưng, được phía bị đơn thừa nhận. Đủ căn cứ xác Đ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả vốn, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Bùi Thị L khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L, cùng địa chỉ: Tổ 8, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: tổ 12, khóm VĐ1, phường NS, thành phố CĐ. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CĐ theo quy Đ tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận xác lập quan hệ vay 400.000.000 đồng và trả lãi đến tháng 8/2016 thì ngưng. Ngày 21/12/2017, bà Bùi Thị L khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn vay: Bà Bùi Thị L và bà Nguyễn Thị L đều thống nhất ngày 18/8/2013 vay 300.000.000 đồng, ngày 05/9/2013 vay thêm 100.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn làm ăn, hiện chưa trả vốn.

Bà Bùi Thị L cung cấp chứng cứ chứng minh là Biên nhận nợ ngày18/8/2013 và ngày 05/9/2013 được bà Nguyễn Thị L thừa nhận việc giao nhận tiền có lập biên nhận và chữ viết trong biên nhận là của bà, chữ ký tên trong biên nhận là của bà và ông Đ.

Vợ chồng ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ vay tiền với bà Bùi Thị L trên cơ sở tự nguyện nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, bà Bùi Thị L nhiều lần yêu cầu trả nợ ông Trần Thiện Đ và Nguyễn Thị L trả nợ nhưng họ không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ, nên bà Bùi Thị L khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[2] Tiền lãi:

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Trần Thiện Đ, bà Nguyễn Thị L và bà Bùi Thị L khai thống nhất, mặc dù có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng nhưng khi vay thêm lần thứ hai thì thỏa thuận lại tiền lãi là 4.000.000 đồng/tháng của 02 khoản vay và đã đóng lãi được 04 tháng từ tháng 4/2016 đến tháng 8/2016 với số tiền 16.000.000 đồng.

Bà Bùi Thị L có yêu cầu ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L trả tiền lãi theo lãi suất quy Đ pháp luật, tính từ tháng 8/02/2016 đến khi vụ án đưa ra xét xử nhưng tại phiên tòa bà Bùi Thị L rút lại yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Buộc ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L liên đới có trách nhiệm trả cho Bùi Thị L vốn 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng theo quy Đ tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị L có yêu cầu được trả dần vốn gốc nhưng không được bà Bùi Thị L chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L có vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ pháp luật.

Bà Bùi Thị L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L;

Buộc ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L liên đới có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L vốn 400.000.000 *(*bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu *20.000.000 (hai mươi triệu) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015021 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Bùi Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Thiện Đ và bà Nguyễn Thị L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy